

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1776/2019/HC-ST
Ngày: 26-11-2019
V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Châu.
2. Bà Phạm Thị Hồng Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Ngọc Tú Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19/11/2019 và ngày 26/11/2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính sơ thẩm thụ lý số 319/2018/HCST ngày 21 tháng 9 năm 2018 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4935/2019/QĐXXST-HC ngày 16/10/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 8993/2019/QĐST-HC ngày 05/11/2019; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 8998/2019/QĐST-HC ngày 19/11/2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Lê Văn L, sinh năm 1946.

Địa chỉ: 299, ấp B1, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Hoàng Trọng H, sinh năm 1955. (có mặt)

Địa chỉ: 55/2 đường c, tổ 3, khu phố a, thị trấn B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C

Địa chỉ: Đường d, khu phố a, thị trấn B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Tiến T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C. (có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Văn N - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện C (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/8/2018; Đơn khởi kiện bổ sung ngày 10/4/2019; Bản tự khai ngày 02/7/2018; Biên bản không tiến hành đối thoại được ngày 05/4/2019 và ngày 07/8/2019, Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Hoàng Trọng H trình bày:

Ông Lê Văn L có phần đất diện tích 22.567,5m² thuộc các thửa 62, 2, 4, 60, 410, 54, 55, 51, 26 tờ bản đồ 70, 71, 86 xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh sử dụng nuôi trồng thủy sản.

Về nguồn gốc đất ông L được thừa kế từ cha ruột là ông Lê Văn N1 với diện tích 11.144m² sử dụng trước 30/4/1975 và nhận chuyển quyền sử dụng đất trước 15/10/1993 của các ông bà Lê Văn L1 diện tích 2.848,8m² ngày 20/5/1989; bà Trương Thị D diện tích 3.580m² ngày 29/02/1990; ông Trần Văn M diện tích 5.067,5m² ngày 26/12/1990. Quá trình sử dụng đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời, sau đó được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 7852/QSDĐ/SX ngày 13/8/2003, diện tích 2734m², thửa 80, tờ bản đồ số 15, xã B (theo bản đồ số thuộc thửa 60, tờ bản đồ số 71).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 657/QSDĐ/SX ngày 14/11/1994, diện tích 8730m², thuộc các thửa 305, 306, 416, 417, tờ bản đồ số 15, xã B (theo bản đồ số thuộc các thửa 410, 54, 55, tờ bản đồ số 86 và thửa 62, tờ bản đồ số 70).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 367/QSDĐ/SX ngày 18/4/1995, diện tích 17.860m², thuộc các thửa 127, 132, 125, 131, 313, 126, 61, 58, 146 (đã bị thu hồi các thửa 127, 131, 126 với diện tích 4.116m² theo Quyết định số 40/QĐ.UB ngày 17/01/2005 của Ủy ban nhân dân huyện C) diện tích còn lại 11.144m² theo bản đồ số thuộc các thửa 2, 4, 51, 26, tờ bản đồ số 86.

Ngày 17/8/2006 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 2184/QĐ-UBND thu hồi và hủy bỏ 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông L nêu trên và thu hồi 18.029m² đất.

Ông L đã khiếu nại và được giải quyết tại Văn bản số 927/UBND ngày 28/3/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C. Không đồng ý với kết quả, ông L khởi kiện hành chính tại Tòa án.

Tại Bản án số 45/2018/HC-PT ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L và buộc Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho toàn bộ diện tích bị thu hồi tại Quyết định 2184/QĐ-UBND ngày 17/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C cho ông Lê Văn L.

Bản án đã có hiệu lực của Tòa án cũng đã xác định Quyết định thu hồi đất số 2184/QĐ-UBND ngày 17/8/2006 và Công văn số 927/UBND ngày 28/3/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C là sai theo quy định.

Kể từ ngày Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định 2184/QĐ-UBND ngày 17/8/2006 về việc thu hồi và hủy bỏ 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đến ngày Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 1260/UBND ngày 16/4/2018 về việc thực hiện Bản án phúc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, buộc Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L theo quy định của pháp luật. Hành trình khiếu kiện kéo dài 11 năm 08 tháng 01 ngày bằng 4210 ngày quyền sử dụng đất của ông không giao dịch được, làm thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L.

Vì thế, căn cứ vào Khoản 11 Điều 17 Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước năm 2017, ông L có đơn yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C trách nhiệm bồi thường nhà nước cho ông và được giải quyết tại Văn bản số 2745/UBND ngày 20/7/2018. Không đồng ý với kết quả trả lời trên ông L khởi kiện hành chính tại Tòa án yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 2745/UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải thực hiện bồi thường cho ông L theo quy định.

Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Hoàng Trọng H xác định: Người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện:

- Yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 2745/UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cho ông Lê Văn L.

Căn cứ yêu cầu bồi thường là: Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 17/8/2006, văn bản số 927/UBND ngày 28/3/2016, Bản án số 563/2017/HC-ST ngày 08/5/2017 và Bản án số 45/2018/HC-PT ngày 07/3/2018.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C có văn bản trình bày ý kiến tại Công văn số 1253/UBND ngày 04/4/2019 và Công văn số 3440/UBND ngày 06/8/2019 như sau:

Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Ủy ban nhân dân huyện C có nhận được đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn L. Đến ngày 28 tháng 3 năm 2016, Ủy ban nhân dân huyện C có ban hành Công văn 927/UBND trả lời cho ông L: *“Trường hợp của Ông, Ủy ban nhân dân huyện chưa xem xét giao đất nông nghiệp”*. Không đồng ý với nội dung trả lời của Ủy ban nhân dân huyện, Ông L khởi kiện đến cơ quan Tòa án. Ngày 07 tháng 3 năm 2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm, đã chấp thuận yêu cầu khởi kiện của ông L: Hủy Công văn 927/UBND ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện C và buộc Ủy ban nhân dân huyện C xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L theo đúng quy định của pháp luật *(nêu tại Bản án số 45/2018/HC-PT ngày 07 tháng 3 năm 2018)*.

Đến ngày 02 tháng 7 năm 2018, ông L gửi đơn đến Ủy ban nhân dân huyện, yêu cầu trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong việc giải quyết hồ sơ của ông L và Ủy ban nhân dân huyện có ban hành Công văn 2745/UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018 trả lời cho ông L: *“ Ủy ban nhân dân huyện chỉ thụ lý hồ sơ và giải*

quyết bồi thường khi có một trong các trường hợp quy định tại Điều 17 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017, nên hành vi hành chính không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa xem xét giao đất nông nghiệp cho gia đình ông L được thể hiện tại Công văn 927/UBND ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện về trả lời đơn công dân không thuộc trường hợp bồi thường được quy định tại Điều 17 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.”

Ủy ban nhân dân huyện nhận thấy Công văn 2745/UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018 là đúng pháp luật, nên kính đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố không công nhận yêu cầu khởi kiện của ông L.

Ủy ban nhân dân huyện C nhận được Thông báo số 3039/TB-TLVA-BS ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố về thụ lý bổ sung yêu cầu của ông Lê Văn L yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước khi thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất không đúng pháp luật tại Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 17/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C đối với ông Lê Văn L.

Qua rà soát hồ sơ lưu trữ, Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến như sau:

Liên quan đến việc Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 2184/QĐ-UBND về thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 7852/QSDĐ-SX ngày 13/8/2003; số 657/QSDĐ-SX ngày 14/11/1994; số 367/QSDĐ-SX ngày 18/4/1995 cấp cho ông Lê Văn L là thực hiện theo kết luận của Thanh tra thành phố tại Tờ trình số 377/KL-TTTr ngày 23 tháng 6 năm 2005 và Thông báo số 492/TB-VP ngày 03 tháng 8 năm 2005 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố về nội dung kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. Ủy ban nhân dân huyện C kính mong Tòa án nhân dân thành phố căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Ông N thống nhất với nội dung Công văn số 1253/UBND ngày 04/4/2019 và Công văn số 3440/UBND ngày 06/8/2019 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Quyết định 2184/QĐ-UBND về thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C đã được giải quyết dứt điểm và có hiệu lực.

Bản án hành chính sơ thẩm số 563/2017/HC-ST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hành chính phúc thẩm số 45/2018/HC-PT ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không hủy Quyết định 2184/QĐ-UBND về thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C, bản án quyết định cho ông L được cấp giấy chứng nhận với lý do Ủy ban nhân dân huyện C không quản lý phần đất đã thu hồi mà vẫn để người dân sử dụng. Tòa chỉ tuyên hủy Văn bản số 927/UBND ngày 28/3/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C và buộc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận cho ông Lê Văn L. Ủy ban nhân dân huyện C đã chấp hành bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án và hiện nay ông L đã được cấp

giấy chứng nhận. Việc ông L không đồng ý với Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện C, ông L khiếu nại cơ quan hành chính cấp trên, không đồng ý kết quả giải quyết của cơ quan hành chính ông L khởi kiện ra Tòa. Theo tôi, đó là một quy trình giải quyết về việc của công dân, không phát sinh yêu cầu trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án như: Xác định tư cách tố tụng của đương sự; Thực hiện phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại; Thực hiện đúng các quy định trong việc tổng đạt cho đương sự; Gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định.

- Về nội dung:

Hành vi không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L của Ủy ban nhân dân huyện C không thuộc Điều 17 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước 2017. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 2745/UBND ngày 20/7/2018 với nội dung không có cơ sở thụ lý hồ sơ và giải quyết bồi thường theo đơn yêu cầu trách nhiệm của Nhà nước của ông Lê Văn L là đúng quy định. Nên yêu cầu hủy Công văn số 2745/UBND ngày 20/7/2018 về việc trả lời đơn yêu cầu bồi thường Nhà nước đối với trường hợp ông Lê Văn L của Ủy ban nhân dân huyện C là không có cơ sở. Do đó đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L về việc hủy Công văn số 2745/UBND ngày 20/7/2018 Ủy ban nhân dân huyện C.

Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải thực hiện trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, nhận thấy: Theo Khoản 3 Điều 33, Khoản 5 Điều 52 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, yêu cầu của ông L không thuộc trường hợp bồi thường trong Luật hành chính nên đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện về bồi thường của ông L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận giữa các bên đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Về thẩm quyền:

Ông Lê Văn L yêu cầu hủy bỏ Công văn 2745/UBND ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện C nên căn cứ Khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 20/7/2018, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 2745/UBND, ngày 28/8/2018, ông L nộp đơn khởi kiện tại là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Về việc ủy quyền của các đương sự:

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện C có văn bản ủy quyền cho ông Trương Tiến T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 60 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Xét thấy ông Trương Tiến T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C là người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L, yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 2745/ UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn yêu cầu trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường thiệt hại theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

[2.1] Diễn biến sự việc:

Ngày 17/8/2006, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định 2184/QĐ-UBND thu hồi 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Lê Văn L với lý do cấp không đúng trình tự theo quy định.

Từ năm 2007, năm 2011 và năm 2015, ông L đã có đơn xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tổng diện tích 22.676,3m².

Ngày 28/3/2006, Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 927/UBND cho rằng Quyết định 2184/QĐ-UBND ngày 17/6/2006 đã có hiệu lực. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện chỉ xem xét công nhận quyền sử dụng đất cho ông L với diện tích 7179m² nhằm thửa 26, 51 tờ bản đồ số 86 xã B, phần diện tích còn lại Ủy ban nhân dân huyện nhận thấy, hiện nay trên địa bàn huyện diện tích đất nông nghiệp không còn nhiều và nhằm đưa vào phục vụ quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng cũng như đáp ứng nhu cầu phúc lợi công cộng. Do đó, Ủy ban chưa xem xét giao đất cho hộ dân.

Không đồng ý với Công văn số 927/UBND ngày 28/3/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C, ông L khởi kiện hành chính tại Tòa án.

Tại phần Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 563/2017/HC-ST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L về việc yêu cầu hủy Văn bản 927/UBND ngày 28/3/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện C xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn L theo đúng quy định của pháp luật.

Bản án số 563/2017/HC-ST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện C kháng cáo.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 45/2018/HC-PT ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L;

Hủy Văn bản 927/UBND ngày 28/3/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn của công dân;

Buộc Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Văn L theo đúng quy định của pháp luật.

Sau khi bản án phúc thẩm số 45/2018/HC-PT ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có hiệu lực ông L có đơn yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C trách nhiệm bồi thường nhà nước cho ông và được giải quyết tại văn bản số 2745/UBND ngày 20/7/2018. Không đồng ý với kết quả trả lời trên ông L khởi kiện hành chính tại Tòa án yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 2745/UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải thực hiện bồi thường cho ông L theo quy định.

[2.2] Xét yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 2745/UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn yêu cầu trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành:

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 thì Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 2745/ UBND ngày 20/7/2018 về việc trả lời đơn yêu cầu trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là đúng thẩm quyền.

- Về nội dung:

Công văn số 2745/ UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn yêu cầu trách nhiệm bồi thường của Nhà nước có nội dung như sau:

Vụ việc yêu cầu Bồi thường của ông Lê Văn L được áp dụng theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 để giải quyết (Khoản 2, Điều 78 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017); Ủy ban nhân dân huyện chỉ thụ lý hồ sơ và giải quyết bồi thường khi có một trong các trường hợp quy định tại Điều 17 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017. Tuy nhiên, hành vi hành chính không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chưa xem xét giao đất nông nghiệp cho gia đình ông L được thể hiện tại Công văn 927/UBND ngày 28 tháng 3 năm 2016 của Ủy ban nhân dân huyện về trả lời đơn công dân không thuộc trường hợp bồi thường được quy định tại Điều 17 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

Vì thế, Ủy ban nhân dân huyện C không có cơ sở thụ lý hồ sơ và giải quyết bồi thường theo đơn yêu cầu trách nhiệm bồi thường của Nhà nước của ông Lê Văn L theo điểm c Khoản 2 Điều 43 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Tại Điều 17 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính:

“Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:

- 1. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật;*
- 2. Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính trái pháp luật;*
- 3. Áp dụng một trong các biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính sau đây trái pháp luật:*
.....
- 4. Áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật;*
- 5. Áp dụng một trong các biện pháp xử lý hành chính sau đây trái pháp luật:*
.....
- 6. Không áp dụng hoặc áp dụng không đúng quy định của Luật Tố cáo các biện pháp sau đây để bảo vệ người tố cáo khi người đó yêu cầu:*
.....
- 7. Thực hiện hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin về cố ý cung cấp thông tin sai lệch mà không đính chính và không cung cấp lại thông tin;*
- 8. Cấp, thu hồi, không cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, giấy phép và các giấy tờ có giá trị như giấy phép do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trái pháp luật;*
- 9. Áp dụng thuế, phí, lệ phí trái pháp luật; thu thuế, phí, lệ phí trái pháp luật; truy thu thuế, hoàn thuế trái pháp luật; thu tiền sử dụng đất trái pháp luật;*
- 10. Áp dụng thủ tục hải quan trái pháp luật;*
- 11. Giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trái pháp luật; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư trái pháp luật; cấp hoặc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trái pháp luật;*
- 12. Ra quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh trái pháp luật;*
- 13. Cấp văn bằng bảo hộ khi có căn cứ pháp luật cho rằng người nộp đơn không có quyền nộp đơn hoặc có căn cứ pháp luật cho rằng đối tượng không đáp ứng điều kiện bảo hộ; từ chối cấp văn bằng bảo hộ với lý do đối tượng không đáp ứng điều kiện bảo hộ mà không có căn cứ pháp luật; chấm dứt hiệu lực văn bằng bảo hộ mà không có căn cứ pháp luật;*
- 14. Ra quyết định xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật đối với công chức từ Tổng Cục trưởng và tương đương trở xuống.”*

Công văn số 927/UBND ngày 28/3/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn của công dân có nội dung: “...*Ủy ban chưa xem xét giao đất cho hộ dân.*” bị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy tại Bản án hành chính phúc thẩm số 45/2018/HC-PT ngày 07/3/2018 không thuộc trường hợp nào Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 17 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 17/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 7852/QSDĐ-SX ngày 13/8/2003; số 657/QSDĐ-SX ngày 14/11/1994; số 367/QSDĐ-SX ngày 18/4/1995 cấp cho ông Lê Văn L đã có hiệu lực. Ông L đã khiếu nại đối với Quyết định trên và được giải quyết dứt điểm tại Công văn số 1008/QĐ-UBND ngày 06/7/2007 của Ủy ban nhân dân huyện C và Công văn số 5003/QĐ-UBND ngày 20/12/2008 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi có kết quả trả lời khiếu nại ông L đã làm đơn yêu cầu cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất bị thu hồi.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 45/2018/HC-PT ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không có nhận định hay quyết định gì đối với Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 17/8/2006 của Ủy ban nhân dân huyện C về thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 7852/QSDĐ-SX ngày 13/8/2003 mà chỉ tuyên hủy Công văn số 927/UBND ngày 28/3/2016 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn của công dân.

Tại Khoản 5 Điều 3 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 quy định: “*Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường là văn bản đã có hiệu lực pháp luật do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền ban hành theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định, trong đó xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ hoặc là bản án, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền trong hoạt động tố tụng hình sự xác định rõ người bị thiệt hại thuộc trường hợp được Nhà nước bồi thường*”.

Do đó, không có căn cứ để xác định Bản án hành chính phúc thẩm số 45/2018/HC-PT ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là văn bản làm căn cứ bồi thường theo Khoản 5 Điều 3 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

Tại Điều 8 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 cũng quy định:

“*Văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính quy định tại Điều 17 của Luật này bao gồm:*

- 1. Bản án, quyết định của Tòa án có thẩm quyền xác định rõ hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ;*
- 2. Quyết định giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật về khiếu nại chấp nhận một phần hoặc toàn bộ nội dung khiếu nại của người khiếu nại;*
- 3. Quyết định hủy, thu hồi, sửa đổi, bổ sung quyết định hành chính vì quyết định đó được ban hành trái pháp luật;*

4. *Quyết định xử lý hành vi vi phạm pháp luật của người thi hành công vụ bị tố cáo trên cơ sở kết luận nội dung tố cáo theo quy định của pháp luật về tố cáo;*

5. *Quyết định xử lý hành vi vi phạm pháp luật của người thi hành công vụ trên cơ sở kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật về thanh tra;*

6. *Quyết định xử lý kỷ luật người thi hành công vụ do có hành vi trái pháp luật;*

7. *Văn bản khác theo quy định của pháp luật đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 3 của Luật này.”*

Tuy nhiên, ông Lê Văn L không đưa ra được căn cứ xác định hành vi trái pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện C. Không có văn bản làm căn cứ yêu cầu bồi thường theo quy định tại Khoản 5 Điều 3, Điều 8 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

Căn cứ ông Lê Văn L yêu cầu Ủy ban nhân dân nhân huyện C trách nhiệm bồi thường của Nhà nước là Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 17/8/2006, Văn bản số 927/UBND ngày 28/3/2016, Bản án hành chính sơ thẩm số 563/2017/HC-ST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án hành chính phúc thẩm số 45/2018/HC-PT ngày 07/3/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là không có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Ủy ban nhân dân huyện C căn cứ vào điểm c Khoản 2 Điều 43 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 không thụ lý hồ sơ và giải quyết bồi thường theo đơn yêu cầu trách nhiệm bồi thường của Nhà nước của ông Lê Văn L là có cơ sở.

Tại phiên tòa người đại diện ủy quyền của người khởi kiện – ông Hoàng Trọng H cũng thừa nhận không có văn bản làm căn cứ xác định Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 17/8/2006 của Ủy ban nhân dân nhân huyện C là trái pháp luật. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mối liên hệ giữa Văn bản số 927/UBND ngày 28/3/2016 bị tuyên hủy với Quyết định số 2184/QĐ-UBND ngày 17/8/2006 của Ủy ban nhân dân nhân huyện C để chấp thuận yêu cầu của ông Lê Văn L về việc Ủy ban nhân dân nhân huyện C trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Công văn số 2745/UBND ngày 20/7/2018 là phù hợp với quy định nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn L.

[2.3] Đối với yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Khoản 3 Điều 33 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thì: Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp người thi hành công vụ gây thiệt hại thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp của mình.

Tại Điều 598 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước”.

Đồng thời, tại Khoản 5 Điều 52 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cũng quy định: Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại Tòa án được thực hiện theo quy định tại Mục này; trường hợp Mục này không quy định thì áp dụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính đình chỉ yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị khởi kiện phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện được miễn án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 4 Điều 32, Điều 60, Điều 116, Điểm h Khoản 1 Điều 143, điểm đ Khoản 1 Điều 123, Điều 157, Điều 158, Khoản 2 Điều 193, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính 2015;

- Căn cứ Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017;

- Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử :

1. Không chấp nhận yêu cầu của Lê Văn L về việc:

Yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 2745/UBND ngày 20/7/2018 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc trả lời đơn yêu cầu trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

2. Đình chỉ yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện C bồi thường thiệt hại theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Lê Văn L không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông L số tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0049720 ngày 18/9/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thanh Hương